Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương
DN: C=VN, CN=Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương, L=Quận Hoàn Kiếm, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0102995749
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.20 11:20:26+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

ĐIỀU LỆ

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

Tháng ...../2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ **5**

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA **7**

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG **10**

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ 10

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 10

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 10

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ/số lô chứng chỉ quỹ chào bán 10

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ 11

Điều 6. Công ty quản lý quỹ 11

Điều 7. Ngân hàng giám sát 11

Chương II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ **12**

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 12

Điều 9. Chiến lược đầu tư 12

Điều 10. Hạn chế đầu tư 13

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ 14

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư 15

Chương III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ **16**

Điều 13. Nhà đầu tư 16

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư 17

Điều 15. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi quỹ ETF 18

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư 18

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF 19

Điều 18. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp) 20

Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) 25

Điều 20. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại 26

Điều 21. Chuyển nhượng phi thương mại 27

Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ 27

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ **27**

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư 27

Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường 28

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư 29

Điều 26. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản 30
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư 31
Điều 28. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư 32
Chương V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 32
Điều 29. Ban đại diện quỹ 32
Điều 30. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ 33
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ 33
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ 34
Điều 33. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 34
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ 34
Điều 35. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ 35
Điều 36. Cuộc họp Ban đại diện quỹ 35
Điều 37. Biên bản họp Ban đại diện quỹ 35
Chương VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 36
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 36
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 36
Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 37
Điều 41. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ 38
Chương VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 39
Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát 39
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát 39
Điều 44. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát 41
Điều 45. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát 42
Chương VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 42
Điều 46. Các hoạt động được ủy quyền 42
Điều 47. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 42
Điều 48. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 43
Điều 49. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44
Điều 50. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 44
Chương IX THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG 45
Điều 51. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ 45
Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ 45
Điều 53. Tổ chức tạo lập thị trường 46
Chương X ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 47

Điều 54. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ 47
Điều 55. Hoạt động của Đại lý phân phối 47
Điều 56. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ 48
Điều 57. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ 50
Chương XI KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 51
Điều 58. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán 51
Điều 59. Năm tài chính 51
Điều 60. Chế độ kế toán 51
Điều 61. Báo cáo tài chính 51
Điều 62. Báo cáo khác 51
Chương XII GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 51
Điều 63. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ 51
Điều 64. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 52
Điều 65. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ 52
Chương XIII GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 54
Điều 66. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả 54
Điều 67. Thu nhập của quỹ 56
Điều 68. Chi phí hoạt động của quỹ 56
Điều 69. Chi phí khác 57
Điều 70. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu 57
Điều 71. Phân chia lợi nhuận của quỹ 58
Chương XIV TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ 58
Điều 72. Hợp nhất, sáp nhập quỹ 58
Điều 73. Giải thể quỹ 60
Chương XV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 62
Điều 74. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ 62
Chương XVI CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 62
Điều 75. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư 62
Điều 76. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 62
Điều 77. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành 63
PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 64
PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 66

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....67

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;

Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;

Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 09/01/2026;

Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025;

Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ;

Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;

Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC;

Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;

Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;

Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BTC;

Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC), có hiệu lực từ ngày 05/05/2025;

Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Thuật ngữ	Nội dung
"Quỹ hoán đổi danh mục"/ "Quỹ ETF"/ "Quỹ"	Là Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ; là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"Công ty quản lý quỹ"	Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008, Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần số 57/GP-UBCK ngày 30/01/2019 và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm (nếu có). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2019 (và các giấy phép thay đổi theo từng thời kỳ) đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 38 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam), thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; và các lần sửa đổi, bổ sung sau đó (nếu có) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày 07/07/2006, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 43 của Điều lệ quỹ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30.
"Điều lệ quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là Đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn do tất cả Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 4 Điều lệ này và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ quỹ"/"Chứng chỉ quỹ ETF"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ"/"Lô ETF"	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
“Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải thanh toán để mua một Lô chứng chỉ quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
“Giá mua lại” (nếu có)	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ một Lô chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại đã quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Quỹ khi mua Lô chứng chỉ quỹ. Mức Giá dịch vụ phát hành tối đa được quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Quỹ khi hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Mức Giá dịch vụ mua lại tối đa được quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"Giá trị tài sản ròng của quỹ/NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF (iNAV)"	Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch; chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành. Đối với ngày định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là Ngày định giá mà Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ phát hành và mua lại các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ quỹ, công

	bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán.
"Thành viên lập quỹ"/ "AP"	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán, được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán, tổ chức đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Đại lý chuyển nhượng"	Là Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Chỉ số tham chiếu"	Là chỉ số chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM xây dựng và quản lý, là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare, theo quy định trong quy tắc chỉ số. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ số VN30 đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 250 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
"Chứng khoán cơ cấu"	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF. Danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Bỏ phiếu điện tử (e-voting)"	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam"/"VSDC"	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
"Sở giao dịch chứng khoán"	Là Sở giao dịch chứng khoán mà Chứng chỉ quỹ được niêm yết.
"HOSE"/ "HSX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"Giao dịch hoán đổi"	Là việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại, được thực hiện giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ.

Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt	:	Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh	:	TECHCOM CAPITAL VN30 ETF
Tên viết tắt	:	TCC VN30
Địa chỉ liên hệ	:	Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
Điện thoại	:	024 3944 6368

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ/số lô chứng chỉ quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tạo thành. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng). Số vốn này được chia thành năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ.
2. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng).
3. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ, mỗi Thành viên lập quỹ đăng ký mua các Lô chứng chỉ quỹ theo thỏa thuận giữa Thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) Lô chứng chỉ quỹ.
4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thực hiện bằng Danh mục chứng khoán cơ cấu ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các Lô chứng chỉ quỹ phân phối cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
5. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
   a. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của Lô chứng chỉ quỹ; và

b. Những mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan.
c. Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ là Nhà đầu tư nước ngoài nên không thể mua chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn.
d. Trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua) trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang Quỹ hoặc Nhà đầu tư.

Hình thức thanh toán, cách thức góp vốn bằng tiền nêu trên của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

6. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
7. Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
8. Quỹ không bị giới hạn về số lượng tối đa chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ được phép lưu hành.
9. Việc thay đổi số lượng chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Tên Công ty Quản Lý Quỹ

Tên Tiếng Việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
Tên Tiếng Anh	:	TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	TECHCOM CAPITAL
Giấy phép thành lập	:	Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008; Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/01/2019 (do chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm (nếu có)
Địa chỉ	:	Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
Điện thoại	:	84-24-39446368
Website	:	http://www.techcomcapital.com.vn

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng	:	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

Giấy phép thành lập	:	Giấy phép thành lập số 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; và các lần sửa đổi, bổ sung sau đó (nếu có)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán	:	số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ.
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	02439343137

Chương II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng Quy tắc chỉ số, HOSE quản lý chỉ số hàng ngày như được mô tả chi tiết tại Bản cáo bạch.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn Chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF Techcom Capital VN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư
   a. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.
   b. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
iii. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
vi. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
vii. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại mục i, ii Điểm b Khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:
   a. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   b. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục (i) và (ii) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   c. Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục (i), (ii), (iv), (v) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
   d. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.
   e. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
   - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
   - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
   - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng,
   f. Không được đầu tư vào bất động sản.
   g. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục chỉ số tham chiếu;
   h. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của quỹ.

3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại Điểm a, b, c và e Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau đây:
   a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh mục đầu tư của Quỹ;
   b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật; bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư;
   c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
   d. Quỹ đang trong thời gian giải thể;
   e. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu thay đổi;
   f. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá (03) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c, e và f Khoản 3 Điều này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại Danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại Danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại Danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.
7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
   a. Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
   b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
   c. Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
   d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu

tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.

3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục của chỉ số tham chiếu VN30 theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu, hoặc trong trường hợp tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu, Quỹ sẽ thực hiện chọn phương pháp nắm giữ một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu, hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số tham chiếu mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu, nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu. Quỹ có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng các cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu, hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng những cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.

2. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi của Quỹ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Các cổ phiếu đầu tư nằm trong rổ chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu VN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu)

Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục Chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường hoặc do sự biến động của thị trường dẫn tới tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể dưới 95%. Khi có những biến động trên xảy ra, Quỹ sẽ nỗ lực tối đa điều chỉnh lại tỷ lệ tài sản đầu tư của quỹ vào danh mục chứng khoán cơ cấu về mức tối thiểu 95% giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu.

Đối với các tài sản khác ngoài rổ chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ lựa chọn đầu tư theo các nguyên tắc sau đây:

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ
   a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại: Công ty quản lý quỹ chỉ gửi tiền tại các tổ chức tín dụng nằm trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt. Việc lựa chọn căn cứ trên các tiêu chí: hạn mức tiền gửi tối đa tại từng tổ chức tín dụng, kỳ hạn gửi tiền

phù hợp với nhu cầu thanh khoản của Quỹ và mức lãi suất cạnh tranh nhất tại cùng kỳ hạn.

b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng: Công ty quản lý quỹ chỉ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ do các tổ chức tín dụng nằm trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt phát hành, căn cứ trên các tiêu chí về hạn mức đầu tư tối đa tại từng tổ chức phát hành, kỳ hạn còn lại phù hợp với nhu cầu thanh khoản của Quỹ và mức lợi tức tại cùng kỳ hạn.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ và trái phiếu

Công ty quản lý quỹ lựa chọn đầu tư căn cứ trên các tiêu chí phân tích cơ bản về vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê, kỳ hạn còn lại phù hợp với nhu cầu thanh khoản của Quỹ và mức độ thanh khoản của công cụ nợ, trái phiếu trên thị trường, và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác

Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán: Công ty quản lý quỹ chỉ đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu, không nhằm mục đích đầu cơ.

Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ: Công ty quản lý quỹ thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích cao nhất cho Quỹ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu.

Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá đầy đủ trên tính chất pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư là tổ chức ký.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà đầu tư Nước Ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.

5. Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
   b. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
   c. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
   d. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
   e. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
   f. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ Quỹ ETF Techcom Capital VN30, tiền mua chứng chỉ Quỹ ETF Techcom Capital VN30 như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
   g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
   a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
   b. Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

   - Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
   - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
   - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

   c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
   Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc:
   d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương

tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số định danh cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi quỹ ETF

1. Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.
2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu;
3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại Thành viên lập Quỹ nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.
4. Điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);
   b. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;
   c. Danh sách nhà đầu tư, thành viên lập quỹ (đối với quỹ ETF): họ tên, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số định danh cá nhân, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF (đối với quỹ ETF).

d. Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Đối với quỹ mở, quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF

1. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
   a. Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
   b. Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
   c. Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu trong trường hợp mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu đã vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
   d. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
   e. Các trường hợp khác Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
3. Thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ này nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch. Trường hợp việc tạm dừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này, thời hạn tạm dừng không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
5. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 18. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:
   a. Áp dụng cho Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và cho Thành viên lập quỹ;
   b. Giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
   c. Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời điểm đóng sổ lệnh:
      i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày làm việc ("Ngày giao dịch hoán đổi"). Trong trường hợp ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
      ii. Việc giảm tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư Thường Niên gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
      iii. Thời điểm đóng sổ lệnh: 14h40' của Ngày giao dịch hoán (Ngày T).
   d. Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng chỉ quỹ trong một (01) Lô chứng chỉ quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và các Đại lý phân phối;
   e. Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:
      i. Chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ;
      ii. Chứng khoán cơ cấu và Chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi thuộc loại tự do chuyển nhượng;
      iii. Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi được lấy từ các nguồn sau:
         - Đối với Thành viên lập quỹ:
         - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
         - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
         - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với mục đích thực hiện giao

dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

- Đối với Nhà đầu tư:
  - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

f. Thành viên lập quỹ chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được thành viên lập quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm:

g. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;

h. Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ xác nhận lại với Nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải cung cấp cho Công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công ty quản lý quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ, Bản cáo bạch;

i. Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

  i. Được thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch;

  ii. Được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận về việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ, ngân hàng giám sát xác nhận số tiền nhà đầu tư, thành viên lập quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ;

j. Hoạt động hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ ETF tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc chuyển khoản Chứng khoán cơ cấu và Chứng chỉ quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, BCB tóm tắt và phù hợp với hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Ngân hàng giám sát.

k. Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

a. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, Tổng công ty Lưu ký

và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ ETF. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ;

b. Đặt lệnh giao dịch hoán đổi

i. Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển trực tiếp tới thành viên lập quỹ hoặc thông qua các đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do đại lý phân phối, thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng thì lệnh giao dịch của nhà đầu tư được chuyển thẳng tới công ty quản lý quỹ;

ii. Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c. Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

d. Sau khi tiếp nhận lệnh của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng giám sát khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm i khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định khoản 3 Điều này; công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ chịu.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trừ trường hợp:
   a. Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó mà nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại Điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan. Phương thức, thủ tục thanh toán bổ sung bằng tiền được quy định tại Bản cáo bạch.
   b. Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán. Khoản tiền hoàn trả được Ngân hàng giám sát chuyển vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi.

      Trường hợp chứng khoán cơ cấu của quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF, quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ nếu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định cho phép. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

      Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

   c. Trường hợp trong Danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư, hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan, hoặc Nhà đầu tư nước ngoài không thể mua Chứng khoán cơ

cấu do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại. Chi tiết việc thanh toán bổ sung bằng tiền và thực hiện lệnh mua hộ cho thành viên lập quỹ/nhà đầu tư được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

d. Trong trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định tại Bản cáo bạch.

e. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, mà Quỹ ETF không đủ số lượng chứng khoán của một (01) mã Chứng khoán cơ cấu nào đó hoặc không sở hữu mã Chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thì việc hoàn trả mã Chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại Ngày chuyển quyền chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư) hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó thì Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

   a. Trường hợp là Nhà đầu tư nước ngoài, Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này;

   b. Trường hợp chuyển hoàn Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư dẫn tới Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này;

Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt qua các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế (nếu có), chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Trong thời gian Công ty quản lý quỹ thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu nêu trên, nếu có phát sinh cổ tức hoặc quyền mua, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

i. Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.

ii. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.

iii. Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.

Trường hợp Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay theo số lượng chứng khoán thực bán. Phần quyền mua đã được Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ từ chối thực hiện sẽ thuộc về Quỹ và do Quỹ quyết định.

iv. Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

v. Khoản thanh toán cho Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi.
- Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

1. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:
   a. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
   b. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán nơi Chứng chỉ quỹ ETF niêm yết;
   c. Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ, bán Chứng khoán cơ cấu trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ ETF, Chứng khoán cơ cấu

để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số Chứng chỉ quỹ ETF, Chứng khoán cơ cấu này bao gồm số Chứng chỉ quỹ, số Chứng khoán cơ cấu đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số Chứng chỉ quỹ, số Chứng khoán cơ cấu nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu, số Chứng chỉ quỹ ETF có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 20. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại

1. Giá phát hành lần đầu

Giá phát hành lần đầu là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ quỹ.

2. Giá bán một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại

Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là Giá phát hành) là mức giá mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một (01) lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một (01) lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng với Giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Giá mua lại một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành

Là giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là Giá mua lại) là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại một (01) lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một (01) lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều lệ quỹ.

4. Giá dịch vụ mua lại
   a. Giá dịch vụ mua lại tối đa áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là 0,15% giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ. Các mức Giá dịch vụ mua lại cụ thể áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ ký giữa Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ. Việc điều chỉnh các mức giá dịch vụ được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ nhưng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Khoản này và Bản cáo bạch.
   b. Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và phải đảm bảo không vượt quá 0,15% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 0,15% giá trị giao dịch). Thời

điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Giá dịch vụ phát hành
   a. Giá dịch vụ phát hành đối với thành viên lập quỹ được quy định cụ thể tại hợp đồng tham gia lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá 0% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh các mức giá dịch vụ được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và các thành viên lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 0% giá trị giao dịch).
   b. Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và phải đảm bảo không vượt quá 0% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 0% giá trị giao dịch). Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Trường hợp giảm mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại so với quy định tại Bản cáo bạch, thời điểm áp dụng kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 21. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế,...) Chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành.
2. Việc tặng cho, thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế và/hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Công ty quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Điều 22. Giải pháp cho vấn để thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp quỹ bị thua lỗ, nhà đầu tư có thể thực hiện bán lại chứng chỉ quỹ hoặc yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
   a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;

b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;

d) Phương án phân phối lợi tức;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;

e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).

Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này. Thể thức dự họp và biểu quyết từ xa được thực hiện như sau:
   a) Cùng với thông báo mời họp và tài liệu họp, Công ty quản lý quỹ gửi cho Nhà đầu tư phiếu biểu quyết từ xa và hướng dẫn cách thức dự họp, biểu quyết từ xa theo địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử hoặc tài khoản giao dịch điện tử mà Nhà đầu tư đã đăng ký tại Sổ đăng ký nhà đầu tư;
   b) Phiếu biểu quyết từ xa phải có tối thiểu các nội dung: tên, thông tin nhận dạng của Nhà đầu tư; số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu và số phiếu biểu quyết tương ứng; từng vấn đề cần biểu quyết kèm các phương án trả lời theo thứ tự nhất trí, không nhất trí, không có ý kiến; thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu về Công ty quản lý quỹ; chữ ký của Nhà đầu tư cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức;
   c) Phiếu biểu quyết từ xa được coi là hợp lệ khi có đầy đủ nội dung quy định tại Điểm b Khoản này và được gửi về Công ty quản lý quỹ trước thời điểm khai mạc cuộc họp theo một trong các hình thức: gửi bằng chuyển phát trong phong bì dán kín; gửi bằng fax; gửi bằng thư điện tử từ chính địa chỉ thư điện tử Nhà đầu tư đã đăng ký tại Sổ đăng ký nhà đầu tư; hoặc được ghi nhận trên hệ thống hội nghị trực tuyến, hệ thống bỏ phiếu điện tử (e-voting) mà Nhà đầu tư đã được xác thực danh tính. Phiếu không đáp ứng các điều kiện nêu trên, phiếu gửi sau thời hạn hoặc phiếu bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch ý kiến biểu quyết là phiếu không hợp lệ;
   d) Nhà đầu tư tham dự hội nghị trực tuyến hoặc bỏ phiếu điện tử được xác thực danh tính thông qua tên đăng nhập, mật khẩu, mã xác thực một lần (OTP) hoặc chữ ký số do Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cấp và được xác định là Nhà đầu tư tham dự cuộc họp kể từ thời điểm đăng nhập thành công vào hệ thống;
   đ) Số phiếu biểu quyết từ xa hợp lệ được tính vào tổng số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư dự họp để xác định điều kiện tiến hành họp và kết quả biểu quyết, được ghi nhận đầy đủ tại biên bản kiểm phiếu và biên bản họp Đại hội nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật nội dung phiếu biểu quyết từ xa cho đến thời điểm kiểm phiếu.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến (e-voting).
4. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản

1. Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách thông qua lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điệu tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác.
2. Trong trường hợp lấy kiến về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư.
3. Trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản như sau:
    a) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
    b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm có nội dung chủ yếu sau đây:
        i. Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;
        ii. Thông tin của Nhà Đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ đang nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;
        iii. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự nhất trí, không nhất trí và không có ý kiến;
        iv. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến của Công ty quản lý quỹ;
        v. Họ tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ.
    c) Phiếu lấy ý kiến gửi cho Nhà Đầu tư theo một trong các hình thức sau gửi bằng thư đảm bảo tới địa chỉ thường trú của từng Nhà Đầu tư, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu tư), platform bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác tới địa chỉ Nhà Đầu tư đăng ký.
    d) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau gửi bằng chuyển phát, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu tư), platform bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác từ địa chỉ Nhà Đầu tư đăng ký. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng chuyển phát phải đựng trong phong bì dán kín. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng thư điện tử phải được bảo mật cho đến khi kiểm phiếu. Trong trương hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng thư điện tử thì Công ty Quản lý quỹ phải ghi rõ địa chỉ thư điện tử nhận phiếu lấy ý kiến, và nhà đầu tư phải gửi bằng thư điện tử đã đăng ký tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.
    e) Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của nhà đầu tư cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tổ chức và được gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ
    f) Công ty quản lý quỹ thành lập ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà nhà đầu tư phải gửi ý kiến tới Công ty quản lý quỹ. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Đại hội Nhà Đầu tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
        i. Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ
        ii. Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ nhất trí, không nhất trí, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết

iii. Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng

iv. Họ tên và chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu, chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ ủy quyền.

g) Ban kiểm phiếu, thành viên Ban Đại diện quỹ chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

h) Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên cổng thông tin của Công ty quản lý quỹ và UBCKNN trong vòng 24h kể từ khi kết thúc kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

i) Phiếu lấy ý kiến thu về, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua và các tài liệu khác có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi Chứng chỉ quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại hội nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết.
2. Đại hội nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
6. Biên bản họp Đại hội nhà đầu tư phải được lập bằng tiếng Việt, có nội dung áp dụng tương ứng theo quy định về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và phải được thông qua, ký trước khi kết thúc cuộc họp. Trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư được lập trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc việc kiểm phiếu. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm cung cấp cho Nhà đầu tư biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
7. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ

thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 28. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền bán lại chứng chỉ Quỹ trên sàn giao dịch chứng khoán mà chứng chỉ Quỹ niêm yết hoặc yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình (nếu số lượng chứng chỉ Quỹ tròn lô) hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ.
2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 29. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có 03 thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
   a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội Đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
   b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
   c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội Đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:
   a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật;

4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho đến khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
6. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 30. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:
   a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
   b) Không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
   c) Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản hoặc pháp luật.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
   a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội Đồng quản trị và Hội đồng quản trị
   b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.
3. Chấp thuận bằng văn bản trước khi Công ty quản lý quỹ thực hiện các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Văn bản chấp thuận phải thể hiện rõ khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch và loại tài sản giao dịch. Trường hợp mức giá mua thực tế cao hơn hoặc mức giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung

cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá, hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Ban đại diện quỹ quyết định trên cơ sở giải trình của Công ty quản lý quỹ.

4. Chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi. Văn bản chấp thuận này áp dụng đối với các giao dịch được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và các giao dịch này phải tuân thủ quy định về giải trình, quyết định của Ban đại diện quỹ nêu tại Khoản trên.
5. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
6. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
7. Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và quy định tại Điều lệ này.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ và của Nhà đầu tư; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
3. Thành viên Ban đại diện quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban đại diện quỹ có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc biểu quyết theo hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 33. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ, Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
   d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Thành viên Ban đại diện quỹ không còn tư cách thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban đại diện quỹ;

b) Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ;
d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
f) Có văn bản thông báo thành viên Ban đại diện quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức, Thành viên lập quỹ.

2. Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban đại diện quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội nhà đầu tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban đại diện quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban đại diện quỹ. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban đại diện quỹ cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội nhà đầu tư có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban đại diện quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 35. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 36. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ. Ban đại diện quỹ có thể tổ chức họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp qua các hình thức trực tuyến khác (email, các phần mềm họp trực tuyến …).
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên trước một (01) ngày trước ngày họp.
3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 37. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội

dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

Chương VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 01 và Phụ lục 03 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền sau:
   a. Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 42 Điều lệ này;
   b. Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
   c. Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ hoặc pháp luật;
   d. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
   e. Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ; hợp đồng thành viên lập quỹ với Thành viên lập quỹ; hợp đồng với Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có);
   f. Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
   g. Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
   h. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
   i. Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật;
   j. Các quyền khác của Công ty Quản lý quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của Pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ sau:
   a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này. Công ty quản lý quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;

b. Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;
c. Công ty quản lý quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
d. Công ty quản lý quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty quản lý quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
e. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều lệ này;
f. Công ty quản lý quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
g. Công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán và của Công ty quản lý quỹ. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về Giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư 98;
h. Định kỳ hằng tuần, công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ về mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu. Mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu được xác định theo Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư 98;
i. Bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ này. Trường hợp mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu vượt quá tám mươi phần trăm (80%) mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự việc và điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh sự việc, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa;
j. Thực hiện các cam kết của Công ty quản lý quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều lệ này.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a. Theo đề nghị Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
   b. Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động, bị giải thể;
   c. Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty quản lý quỹ khác;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) như sau:

a. Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng hai phần trăm (2%) Giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ;
b. Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ.

Điều 41. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội Đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công ty quản lý quỹ, nhân viên làm việc tại Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ được phép tham gia góp vốn thành lập, đầu tư, mua hoặc bán chứng chỉ quỹ theo các phương thức quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b, Khoản 5 Điều này.
3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
4. Thành viên Hội Đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
   a. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;
   b. Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
   c. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; trừ trường hợp sử

dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều Hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều lệ;

d. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.
8. Thông tin, quảng cáo, giới thiệu về Quỹ nếu có nội dung đề cập tới các cơ quan quản lý nhà nước phải thể hiện rõ các cơ quan này chỉ xác nhận tính hợp pháp trong quá trình thành lập và hoạt động của Quỹ, không hàm ý bảo đảm về nội dung thông tin, quảng cáo cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ, không bảo đảm về tài sản của Quỹ, giá trị đơn vị quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro của Quỹ. Tài liệu quảng cáo, giới thiệu về Quỹ không được sử dụng danh nghĩa, biểu tượng, hình ảnh, địa vị, uy tín, thư tín của các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước để quảng cáo, giới thiệu về Quỹ, chào mời mua Chứng chỉ quỹ; không được sử dụng thư cảm ơn của Nhà đầu tư để chào mời mua Chứng chỉ quỹ.

Chương VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán và Điều 73 Thông tư 98
2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại;
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
5. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 02, Phụ Lục 03 của Điều lệ này.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát
   a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
   b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
   c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
   d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát; Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ.

f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ. Tổ chức lưu ký phụ ở nước ngoài có quyền tái lưu ký tài sản tại tổ chức lưu ký chứng khoán mà họ là thành viên theo quy định của nước sở tại. Tài sản của Quỹ phải được tổ chức lưu ký phụ đảm bảo quyền sở hữu thuộc về Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;

g. Giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ với tần suất giao dịch hoán đổi hàng ngày, phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, kiểm tra, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

k. Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng chỉ quỹ đã phát hành, số Chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, số định danh cá nhân hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quốc tịch, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;

m. Xác nhận báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động Quỹ; nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ; tuân thủ Luật CK và văn bản pháp luật liên quan

n. Bồi thường thiệt hại cho Quỹ và nhà đầu tư trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Quỹ và nhà đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.

o. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

2. Quyền của ngân hàng giám sát

a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b. Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

c. Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, các cuộc họp Ban đại diện quỹ;
d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng giám sát được ký giữa các bên.

Điều 44. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:
   a. Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
   b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSDC; kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

      Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

   c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
   d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;
   e. Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;
   f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư

chứng khoán đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 45. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a. Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi từ cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng Khoán;
   b. Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ chấp thuận;
   c. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   d. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 46. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty quản lý quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều lệ này, quy định về ủy quyền hoạt động quản lý quỹ tại Điều 12 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền cho tổ chức khác thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư của Quỹ.
2. Hoạt động được ủy quyền bao gồm:
   a. Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
   b. Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
   c. Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 47. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức được Công ty Quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật, có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty quản lý quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty quản lý quỹ đối với dịch vụ đó.

Điều 48. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
   a. Đối với dịch vụ quản trị quỹ:
      i. Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
      ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị Quỹ;
      iii. Xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
      iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
   b. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
      i. Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ;
      ii. Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà đầu tư;
      iii. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;
      iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc bất thường của Công ty quản lý quỹ.

Điều 49. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 50. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
   b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
   c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
   d. Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
   e. Quỹ bị giải thể;
   f. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   g. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
   h. Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 51. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công ty quản lý quỹ.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%). Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
4. Luôn nắm giữ số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu như đã cam kết với Công ty quản lý quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập Quỹ.

Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

1. Quyền của Thành viên lập quỹ:
    a. Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;
    b. Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;
    c. Được vay Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc vay các Lô chứng chỉ quỹ ETF để hoán đổi lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay chứng khoán, Chứng chỉ quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
    d. Được thực hiện các giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF, Chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này và theo quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của Thành viên lập quỹ:
    a. Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;
    b. Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở

giao dịch chứng khoán, Thành viên lập quỹ phải thực hiện lệnh của Nhà đầu tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, Thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư;

c. Bảo đảm Nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký Quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;

d. Quản lý tách biệt tài sản của Nhà đầu tư trên tài khoản của từng Nhà đầu tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của Nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà đầu tư;

e. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán, thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

g. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại lý phân phối.

h. Trường hợp Thành viên lập quỹ đồng thời là Đại lý phân phối, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.

i. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng lập quỹ với công ty quản lý quỹ.

Điều 53. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường Quỹ ETF. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng tạo lập thị trường, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN bản sao hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường.
2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng chỉ quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng chỉ quỹ ETF theo mức giá yết tại các Ngày Giao Dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động Tổ chức tạo lập thị trường do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

Chương X ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 54. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

1. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối

   Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.
3. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký thì không được:
   a. Làm đại lý ký danh.
   b. Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối
   c. Đại lý phân phối phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.
4. Hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối và chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Điều 55. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư;
3. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Báo Cáo Tài Chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ.
5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư: nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
7. Các hoạt động của đại lý phân phối Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất cứ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hằng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm của công ty quản lý quỹ.
9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.
10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:
    a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
    b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
    c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
    d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
    e) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
    f) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 77 Thông tư 98/2020/TT-BTC, khoản 5 và khoản 6 Điều này;
    g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;

h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.

Điều 57. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với chứng chỉ quỹ ETF khi:
   a. Đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối
   b. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực
   c. Đại lý phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;
2. Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng chỉ quỹ như Khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ phải thông báo với UBCKNN kèm theo các tài liệu sau:
   1. Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;
   2. Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của Quỹ khác do công ty quản lý).
4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng.
5. Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
   a. Theo quyết định của đại lý phân phối;
   b. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
   c. Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;
   d. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 5 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công ty quản lý quỹ và Nhà đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Chương XI KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 58. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Hằng năm, Công ty quản lý quỹ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ.
2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
   a. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
   b. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
   c. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ Đầu tư;
   d. Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

Điều 59. Năm tài chính

1. Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 60. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 61. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các báo cáo này được công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 62. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 63. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:

a. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ.
b. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
c. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
d. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

2. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc được quy định tại điều 65 Chương XII Điều lệ này.
4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu xác định và công bố thông tin về Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.
5. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng do Ngân hàng giám sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều lệ quỹ và của pháp luật, Giá trị tài sản ròng được tính đúng.
6. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 64. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được quy định tại Sổ tay định giá.

Điều 65. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Ngày định giá:
   Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định hàng ngày và hàng tháng. Trong trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

2. Việc xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc sau:
   a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được thay thế bởi Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt. Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, và làm tròn xuống lấy đến năm (05) số thập phân.
   b) Sau khi xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải thông báo kết quả để Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;
   c) Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các Giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của Ngày định giá. Nội dung thông tin về Giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC;
   d) Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
      i. Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác.
      ii. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
      iii. Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

Chương XIII GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 66. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ
   a. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30. Giá dịch vụ quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là 0,5% NAV/năm.
   b. Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý Quỹ (tăng, giảm) phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và phải được công bố thông tin theo quy định (nếu có).
   c. Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
   Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366 ngày).
   d. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
2. Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký
   a. Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
   - Giá dịch vụ lưu ký là: 0,06% NAV/năm.
     Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 20.000.000 VNĐ/tháng.
   - Giá dịch vụ giám sát là: 0,02% NAV/năm.
     Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng.

   Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

   Tổng số Giá dịch vụ lưu ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

   b. Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm"].
   c. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
3. Giá dịch vụ quản trị quỹ
   a. Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính như sau:
   - Giá dịch vụ quản trị quỹ là: 0,03% NAV/năm

     Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng

   Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

b. Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm"].
c. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

4. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng
   a. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
   b. Mức Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được quy định theo từng thời kỳ. Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
   c. Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau: Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = "Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng" x "Số ngày thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của tháng"
   d. Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
5. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số
   a. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.
   b. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).
   c. Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

      Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu theo năm" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày trong năm"] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm"].

      Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

   d. Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iIndex, mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Tracking Error – TE),…
   a. Giá dịch vụ nêu tại khoản này là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).
   b. Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu theo năm" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong

năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm"]

c. Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

a. Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
b. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
c. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
d. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
e. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
f. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
g. Thù lao cho Ban đại diện quỹ;
h. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
i. Chi phí bảo hiểm (nếu có);
j. Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
k. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
l. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 67. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 68. Chi phí hoạt động của quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:
   a. Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
   b. Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
   c. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;

d. Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán các thông tin của quỹ (iNAV, TE,...)
e. Chi phí trả cho thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường;
f. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
g. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
h. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
i. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động x 365 ngày x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

Điều 69. Chi phí khác

Bao gồm lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên Ban đại diện quỹ, giá dịch vụ kiểm toán, giá dịch vụ định giá và các chi phí khác

Điều 70. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu

1. Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng Chỉ số tham chiếu và là một dạng quỹ mở. Quỹ không áp dụng thưởng hoạt động.
2. Công ty quản lý quỹ không được nhận bất kỳ khoản thưởng hoạt động nào từ Quỹ. Các khoản giá dịch vụ, chi phí mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ được giới hạn trong phạm vi quy định tại Chương XIII Điều lệ này và quy định của pháp luật.
3. Chỉ số tham chiếu của Quỹ được sử dụng làm cơ sở để xây dựng, cơ cấu danh mục đầu tư và để xác định mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu, không được sử dụng làm cơ sở tính thưởng hoạt động cho Công ty quản lý quỹ.

Điều 71. Phân chia lợi nhuận của quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC
3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
   a. Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
   b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
   c. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
   d. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà đầu tư chịu.
5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

Chương XIV TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 72. Hợp nhất, sáp nhập quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.
3. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
   a. Phương án hợp nhất, sáp nhập;
   b. Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
   c. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
   d. Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu

Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.

5. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công ty quản lý quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác.
6. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:
   a. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà đầu tư;
   b. Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
   c. Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều này.
7. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm:
   a. Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   b. Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   c. Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
   d. Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
8. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
9. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
   a. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
   b. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).
10. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
    a. Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b. Nhà đầu tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
c. Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Điều 73. Giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
   a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   b. Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
   c. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   d. Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
   e. Quỹ hủy niêm yết;
   f. Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ;
   g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:
   a. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
   b. Chuyên các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
   c. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
   d. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
   e. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
3. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
   a. Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
   b. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
   c. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khó bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
4. Đại hội nhà đầu tư chỉ định một Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng

tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 6 Điều này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

6. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
   a. Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
   b. Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.
7. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:
   a. Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
   b. Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
   c. Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Tư được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
   d. Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.
8. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư tại Quỹ. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ của một (01) lô chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho Quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
9. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
10. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một lô, giá trị tài sản ròng trên một CCQ, danh mục chưa phân phối, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
11. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể.

Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

12. Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
13. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, sau khi có văn bản chấp thuận việc giải thể Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ.

Chương XV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 74. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 75. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến việc chào bán, thành lập và hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên, các báo cáo định kỳ sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại Lý Phân Phối (nếu có).
4. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của quỹ theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 76. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương Sên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 77. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 77 Điều được xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ Quỹ chào bán lần đầu ra công chúng được coi là thông qua Điều lệ lần đầu này và có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ.
2. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo quy định của pháp luật.
3. Điều lệ được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau. Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

- PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
- PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
- PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương

Giấy phép thành lập và hoạt động số: Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008 và được cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động Số 57/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/01/2019 do chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH sang công ty cổ phần.

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/05/2021.

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
   a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;
   d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông

tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phí Tuấn Thành

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Số chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; và các lần sửa đổi, bổ sung sau đó (nếu có).

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thanh

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương

Giấy phép thành lập và hoạt động số: Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008 và được cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động Số 57/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/01/2019 do chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH sang công ty cổ phần.

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2019.

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Số chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; và các lần sửa đổi, bổ sung sau đó (nếu có).

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
TRƯỞNG TRUNG TÂM	TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Trí Thanh	Phí Tuấn Thành